

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 4 - 2021.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trọng Tâm.

2. Bà Ngô Thị Mai Du.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2021, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 26/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2021/QĐST - HNGĐ ngày 23/3/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị Ánh N**, sinh năm 1987.

Địa chỉ cư trú: Xóm 01, thôn An Hòa N, xã Nghĩa T, huyện Tư N, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Ông **Lê Công Đ**, sinh năm 1985

Địa chỉ cư trú: Xóm 11, thôn Điền T, xã Nghĩa T, huyện Tư N, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông Đ vắng mặt không có lý do; bà N có đơn xin xét xử vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 31/8/2020, đơn khởi kiện bổ sung 26/10/2020 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Ngô Thị Ánh N trình bày:

Bà và ông Đ quen biết tìm hiểu, yêu thương một thời gian thì tổ chức lễ cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa T, huyện Tư N, tỉnh Quảng Ngãi vào năm 2013.

Sau khi cưới, bà và ông Đ sống bên phía chồng tại xã Nghĩa T, sau một thời gian chung sống hạnh phúc, thì ông Đ chơi cờ bạc, nhậu nhẹt không làm ăn lo gia đình, dẫn đến thường xuyên cãi vã, đánh đập bà. Khoảng tháng 6/2016, bà dẫn con về nhà mẹ đẻ ở đến nay. Đầu năm 2019 bà gửi đơn khởi kiện đến Tòa xin ly hôn, Tòa thụ lý và khuyên giải đoàn tụ, ngày 14/5/2019 bà có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, nên Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa đình chỉ giải quyết vụ án. Sau khi quay về thì vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn, cuộc sống chung không thể kéo dài. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Lê Công Đ.

Về con chung: Bà và ông Đ có một con chung là cháu Lê Minh T, sinh ngày 11/10/2014, ngoài ra không có con riêng hay con nuôi nào khác. Hiện tại cháu T đang ở với bà, khi ly hôn bà yêu cầu tiếp tục nhận nuôi cháu T và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về sản chung: Vợ chồng bà có làm một căn nhà cấp 4 trên đất vườn của mẹ bà, tài sản vợ chồng bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng bà không nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 27/11/2020 bị đơn ông Lê Công Đ trình bày:* Về kết hôn, con chung, nợ như bà N trình bày là đúng. Sau khi kết hôn thời gian đầu sống ở bên cha mẹ ông tại xã Nghĩa T, sau đó cả hai về sống chung với gia đình vợ tại xã Nghĩa Thắng, năm 2016 mẹ vợ mất thì giữa bà Ng và em út bà N xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng ông ra ở riêng có làm một căn nhà cấp 4 trên đất vườn của mẹ vợ, tháng 7/2020 anh em bà N tự động mời ông ra khỏi nhà nên ông về nhà cha mẹ ruột ở đến nay. Sau đó, ông đến thăm con và hỏi nguyên nhân đuổi ông ra khỏi nhà nhưng bà N không trả lời. Nay, bà N xin ly hôn ông đồng ý.

Khi ly hôn ông xin nhận nuôi con chung là cháu Lê Minh T và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Theo ông bà N nuôi con không phù hợp, vì kinh tế bà N không ổn định, bà N có quan hệ phức tạp. Về tài sản chung ông không đồng ý tự thỏa thuận với bà N, nếu ông khởi kiện chia tài sản chung thì ông sẽ làm đơn gửi Tòa trước ngày 01/12/2020.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi nghị án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Đối với nguyên đơn thực hiện đúng Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa tại buổi công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt 02 lần tại phiên tòa không có lý do là vi phạm vào các Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Ánh N. Đối với ý kiến yêu cầu chia tài sản chung của bị đơn, do bị đơn không làm thủ tục khởi kiện phản tố nên đề nghị Hội đồng

xét xử không xem xét, khi nào bị đơn khởi kiện thì giải quyết bằng một vụ án khác. Bà N phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đều cư trú tại huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Về xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2021/QĐST - HNGĐ ngày 23/3/2021 cho ông Đ, nhưng ông Đ vắng mặt không có lý do hai lần mở phiên tòa xét xử; bà N có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông Đ và thủ tục xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ, bà N yêu thương, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa P, huyện Tư N, tỉnh Quảng Ngãi vào năm 2013, nên quan hệ hôn nhân giữa ông Đ, bà N là hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Mâu thuẫn vợ chồng, thì thấy rằng: Lý do mâu thuẫn thì hai bên trình bày khác nhau, nhưng tại bản tự khai ngày 27/11/2020 ông Đ thống nhất ly hôn theo yêu cầu của bà N. Tòa án triệu tập ông Đ hòa giải nhằm mục đích động viên vợ chồng đoàn tụ, nhưng ông Đ không tham gia phiên hòa giải, xét xử. Điều này chứng tỏ ông Đ không quan tâm đến sự hàn gắn trong quan hệ vợ chồng, nên có cơ sở xác định quan hệ tình cảm giữa ông Đ, bà N đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà N được ly hôn ông Lê Công Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Ông Đ, bà N có một con chung là cháu Lê Minh T, sinh ngày 11/10/2014 hiện đang ở với bà N. Cả bà N và ông Đ đều có nguyện vọng muốn nhận nuôi cháu T. Tuy nhiên, từ năm 2016 đến nay cháu T sống với bà N và học tại Trường tiểu học xã Nghĩa . Nhằm đảm bảo quyền lợi và sự ổn định cuộc sống của cháu T, Hội đồng xét xử giao cháu T cho bà N tiếp tục nhận nuôi dưỡng. Bà N không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét

[2.3] Về nợ chung: Do các đương sự trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Bà N trình bày có tài sản chung là xe máy, các vật dụng gia đình và một ngôi nhà cấp 4 xây dựng trên mảnh vườn của mẹ bà, bà không yêu cầu giải quyết mà để vợ chồng tự thỏa thuận. Ông Đ không thống nhất tự thỏa thuận, ông muốn Tòa giải quyết chia tài sản chung khi ly hôn. Tòa yêu cầu ông Đ nếu muốn chia tài sản chung phải làm đơn khởi kiện phản tố và giao nộp chứng cứ kèm theo, nhưng ông Đ không thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử không thụ lý, xem xét về chia tài sản chung, khi nào ông Đ khởi kiện thì Tòa sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định, phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 238, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Ngô Thị Ánh N được ly hôn ông Lê Công Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Minh T, sinh ngày 10/10/2014 cho bà Ngô Thị Ánh N tiếp tục nhận chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Ngô Thị Ánh N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0005622 ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã Nghĩa Trung, huyện Tư Nghĩa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Hùng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TỌA